

Phụ lục 01

DỰ TOÁN CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNN ngày tháng năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên mô hình: xây dựng mô hình cải tạo đàn bò bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo.

Đơn vị thực hiện: Trung tâm Khuyến nông.

Quy mô: 165 con bò cái.

Địa điểm thực hiện: Huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Số hộ tham gia: dự kiến 120 - 150 hộ.

Thời gian thực hiện: Năm 2024.

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền			Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách nhà nước hỗ trợ	Dân đối ứng	
I	Chi mua vật tư				812.530.000	568.771.000	243.759.000	
	Thức ăn hỗn hợp cho bò cái (270kg/con x 165 con) độ đậm ≥ 14%	Kg	44.550	16.000	712.800.000	498.960.000	213.840.000	Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022
	Tinh đông lạnh (2 liều/con x 165 con)	Liều	330	50.000	16.500.000	11.550.000	4.950.000	
	Găng tay (2 cái/con x 165 con)	Cái	330	4.000	1.320.000	924.000	396.000	
	Ổng gen (2 cái/con x 165 con)	Cái	330	4.000	1.320.000	924.000	396.000	
	Nitơ lỏng (2 lít/con x 165 con)	Lít	330	33.000	10.890.000	7.623.000	3.267.000	
	Đá liếm (3kg/con x 165 con)	Kg	495	40.000	19.800.000	13.860.000	5.940.000	
	Kích dục tổ (2 liều/con x 165 con)	Liều	330	50.000	16.500.000	11.550.000	4.950.000	Theo thực tế
	Bình chứa ni tơ 35 lít bảo quản tinh	Cái	1	17.000.000	17.000.000	11.900.000	5.100.000	Theo thực tế
	Bình đựng ni tơ 3,15 lít vận chuyển tinh đi thực hiện	Cái	2	7.000.000	14.000.000	9.800.000	4.200.000	Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022
	Súng bắn tinh	Cái	2	1.200.000	2.400.000	1.680.000	720.000	
II	Triển khai mô hình				73.500.000	73.500.000		
2.1	Tập huấn kỹ thuật cho 2 lớp, 70 người /lớp x 02 buổi/ lớp)				26.100.000	26.100.000		
	Phô tô tài liệu	Bộ	140	15.000	2.100.000	2.100.000		

	Văn phòng phẩm(bút, vở, túi khuy...)	Bộ	140	20.000	2.800.000	2.800.000	
	Giảng viên	Buổi	4	1.000.000	4.000.000	4.000.000	
	Trợ giảng	Buổi	4	500.000	2.000.000	2.000.000	
	Ma ket	Cái	2	500.000	1.000.000	1.000.000	
	Nước uống (140 người x 2 buổi)	buổi	280	10.000	2.800.000	2.800.000	
	Tiền ăn	Người	140	80.000	11.200.000	11.200.000	
	Phục vụ (1 người/lớp)	Người	2	100.000	200.000	200.000	
2.2	Tổng kết 120 người/ hội nghị x 2 buổi/hội nghị				14.400.000	14.400.000	
	Phô tô báo cáo	Bộ	120	15.000	1.800.000	1.800.000	
	Ma ket	Cái	1	500.000	500.000	500.000	
	Nước uống (120 người x 2 buổi)	Buổi	240	10.000	2.400.000	2.400.000	
	Tiền ăn	Người	120	80.000	9.600.000	9.600.000	
	Phục vụ (1 người/lớp)	Người	1	100.000	100.000	100.000	
2.3	Hỗ trợ dẫn tình viên, tiêm kích dục 200.000 đồng/ con.	Con	165	200.000	33.000.000	33.000.000	Theo thực tế
III	Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT				6.480.000	6.480.000	
IV	Thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu				5.400.000	5.400.000	
V	Công chỉ đạo kỹ thuật: (1.800.000 : 22 ngày x 8 ngày/tháng x 10 tháng)	Người	2	6.545.455	13.090.909	13.090.909	
VI	Các khoản đã chi và chi khác				7.758.091	7.758.091	
6.1	Chi phí thẩm định giá				6.800.000	6.800.000	
6.2	Chi phí khác				958.091	958.091	
Tổng cộng					918.759.000	675.000.000	243.759.000

NQ: 13/2020/NQ-HĐND
tỉnh Lạng Sơn

NQ: 13/2020/NQ-HĐND
tỉnh Lạng Sơn

NĐ: 24/2024/NĐ/CP
ngày 27/02/2024

Tổng số kinh phí: **918.759.000 đồng** (Chín trăm mười tám triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng chẵn)

Trong đó:

Nhà nước hỗ trợ: 675.000.000 đồng;

Dân đối ứng: 243.759.000 đồng.